

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu, công suất 20 triệu đôi sản phẩm/năm tại khu CN3, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định của Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 3295623588 cấp ngày 08/3/2021 cho Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu, công suất 20 triệu đôi sản phẩm/năm tại khu CN3, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu, công suất 20 triệu đôi sản phẩm/năm tại khu CN3, cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam, tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 02/3/2021; nội dung Báo cáo ĐTM của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 13/CV-MT ngày 04/3/2021 của Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 164/Tr-STNMT ngày 09/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu, công suất 20 triệu đôi sản

phẩm/năm tại khu CN3, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam (sau đây gọi là dự án) thực hiện tại xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Yên Định, Giám đốc Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu, công suất 20 triệu đôi sản phẩm/năm tại khu CN3, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định của Công ty TNHH Giày Weilina Việt Nam”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu, công suất 20 triệu đôi sản phẩm/năm tại khu CN3, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Giày Weilina Việt Nam.
- + Người đại diện: Ông Tseng Jung Huei;
- + Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc;
- + Địa chỉ: xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.
- Phạm vi, Quy mô, công suất dự án:
 - + Dự án được thực hiện trên khu xưởng cho thuê tại khu CN3, cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam, có tổng diện tích 81.424,25 m² gồm: 04 nhà xưởng sản xuất; nhà nghỉ ca; nhà kho keo; nhà điện và nén khí; nhà dán vỏ hộp; nhà công vụ và y tế; nhà văn phòng và các công trình phụ trợ khác.

- + Quy mô công suất dự án là 20 triệu đôi sản phẩm/năm.

2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành của dự án

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 395,5 m³/ngày.đêm; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform.
- Nước thải sản xuất có lưu lượng lớn nhất là 33 m³/ngày.đêm; thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ, hàm lượng TSS, BOD₅, COD.
- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt là 2,5 m³/ngày.đêm; thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, tro bụi.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải phát sinh từ lò tải nhiệt sử dụng nhiên liệu đầu vào là viên trấu nén; thành phần khí thải phát sinh gồm: Bụi lơ lửng, SO₂, CO, CO₂, NO_x,...
- Mùi, hơi dung môi hữu cơ phát sinh từ khu vực pha chế keo, quét keo, in xoa, chùi rửa sản phẩm, kho chứa hóa chất...
- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động sản xuất; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sản xuất; thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường trung bình mỗi ngày 100 kg/ngày, chủ yếu là các chất hữu cơ, thức ăn thừa, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...).
- Chất thải rắn sản xuất trung bình 2.189,28 kg/ngày gồm vải, nilon, giấy phế thải, bìa catong,....
- Tro từ lò đốt dầu tải nhiệt có khối lượng trung bình 1.360 kg/ngày.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại: gồm bóng đèn neon, ắc quy, pin, bình xịt muỗi, can đựng dầu nhớt bị hỏng, linh kiện điện tử hỏng, các thùng đựng hóa chất, hạt keo chết, mực in chết, cặn mực in khoảng 174 kg/tháng. Ngoài ra, bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất khoảng 0,66 m³/ngày.
- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh từ thay dầu các thiết bị với khối lượng khoảng 200 lít/tháng dầu thải và 300 lít/tháng dung môi các loại.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn thu gom qua hệ thống mương thoát nước (28 ga thoát nước) của Nhà máy, sau đó thoát ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước chung của khu vực và chảy ra sông Cầu Chày.
- Nước thải nhà vệ sinh xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp đặt tại khu CN3 (do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam quản lý). Tổng số bể tự hoại của nhà máy gồm 18 bể với tổng dung tích 2.400 m³.
- Nước thải tắm giặt, rửa tay được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp đặt tại khu CN3 (do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam quản lý).
- Nước thải sản xuất được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại Nhà máy có công suất 40m³/ngày.đêm, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp đặt tại khu CN3 (do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong fu Việt Nam quản lý).

Quy trình xử lý của hệ thống nước thải sản xuất như sau: bể thu gom → bể khuấy nhanh → bể keo tụ → bể lắng → hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN.

Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn về chất lượng nước đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam quy định.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt tại khu CN3 của cụm công nghiệp có công suất xử lý nước thải là 500m³/ngày.đêm và nước thải sau hệ thống xử lý này đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B; K=1) và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; K_q = 0,9 và K_f = 1,1). Nguồn tiếp nhận nước thải là mương thoát nước chung của khu vực và chảy ra sông Cầu Chày.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Lắp đặt 04 hệ thống thu và xử lý chất hữu cơ bay hơi tại các khu vực pha chế keo, in xoa và chùi rửa: gồm 12 chụp hút, 04 quạt hút, 04 bộ lọc bằng than hoạt tính, 04 ống thoát khí có đường kính 30cm cao 10m và thải ra môi trường.

- Trang bị 400 quạt thông gió, 600 quạt mát công nghiệp, 24 hệ thống hút bụi tại các nhà xưởng.

- Khí thải lò dầu tải nhiệt được thu gom bằng quạt hút và xử lý qua tháp hấp thụ bằng nước sau đó thoát ra môi trường qua ống khói cao 14m.

- Máy phát điện dự phòng của dự án được bố trí trong nhà đo đếm điện áp, khí thải được dẫn ra ngoài qua ống thoát khí cao 14m.

- Định kỳ 03 tháng/lần tiến hành vệ sinh sửa chữa thiết bị xử lý khí thải.

- Trồng cây xanh ở những vị trí đã được quy hoạch và trồng cây xanh tạo cảnh quan bóng mát và điều hòa vi khí hậu.

- Thường xuyên quét dọn các nhà xưởng, sân đường nội bộ sau mỗi ca làm việc;

- Thường xuyên phun nước giảm bụi sân đường nội bộ và công ra vào dự án vào những ngày nắng nóng, khô hanh;

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với rác có thể tái chế được lưu tại nhà chứa rác thải của Nhà máy và được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Đối với rác thải không thể tái chế được phân loại tại nguồn và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Các chất thải rắn nguy hại được thu gom và lưu tại kho chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

Các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Tên công trình	Thông số	Số lượng
Hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt (nhiên liệu là viên trấu nén)	Tháp hấp thụ bằng nước đường kính 1,5m, cao 3m, quạt hút, ống khói đường kính 0,4m, cao 14m	1 hệ thống
Hệ thống xử lý chất hữu cơ bay hơi tại các xưởng pha chế keo, in xoa, chùi rửa sản phẩm....	Gồm 12 chụp hút, 04 quạt hút, 04 bộ lọc khí than hoạt tính; 04 ống thoát khí đường kính 30cm cao 10m.	4 hệ thống
Hệ thống thoát nước mưa	Chiều dài 2230 m	1 hệ thống
Hệ thống thoát nước thải	Chiều dài 2036 m	1 hệ thống
Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	Công suất 40m ³ /ngày.đêm	1 hệ thống

Nhà kho rác thải	Diện tích 656m ²	1 nhà
Hệ thống PCCC	Đạt tiêu chuẩn	1 hệ thống

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

4.1. Giám sát khí thải:

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 05 vị trí.
- K1: Khu vực xưởng sản xuất số 1.
- K2: Khu vực xưởng sản xuất số 2.
- K3: Khu vực xưởng sản xuất số 3.
- K4: Khu vực xưởng sản xuất số 4.
- K5: Khu vực kho chứa rác thải.
- Chỉ tiêu vi khí hậu: Nhiệt độ, độ ẩm, độ ồn tương đương.
- Chất lượng không khí: Tổng bụi lơ lửng; SO₂; NO₂; CO, NH₃, H₂S, Benzen, Axeton, Toluene, Cyclohexan.
- Tần suất giám sát 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
 - + QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

b. Giám sát chất lượng khí thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống khói lò dầu tải nhiệt.
- Chỉ tiêu giám sát: bụi tổng, CO, SO₂, NO₂, NH₃, H₂S.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

4.2. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát:
 - + NT1: Nước thải sau bể lắng của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
 - + NT2: Nước thải đầu vào của hệ thống XLNT tập trung của CCN.
- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, pH, COD, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua (tính theo H₂S, NH₄⁺, NO₃⁻, tổng P, Dầu mỡ động, thực vật, Fe, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh :

4.3. *Giám sát chất thải rắn*

- Vị trí giám sát: Khu vực nhà chứa rác thải Nhà máy.
- Chỉ tiêu giám sát: Tổng khối lượng rác thải, thành phần chất thải rắn.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần./.